

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HN-ST

Ngày: 11/3/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Công;

2. Ông Dương Thanh Huỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huệ Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 160/2021/TLST-HN, ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1984; (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau;

Chỗ ở hiện nay: Khu vực X, phường L, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang;

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị L**, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Trú tại: Khu vực X, phường L, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông và bị đơn kết hôn năm 2005, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do nguyên đơn và bị đơn bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến ông và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng

không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Gia C (nam), sinh ngày 10/5/2015. Con chung hiện nay đang sống chung với bị đơn, nguyên đơn đồng ý để bị đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị L có lời trình bày:

Bà và nguyên đơn kết hôn vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau trong nhiều vấn đề cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bà và nguyên đơn đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Gia C (nam), sinh ngày 10/5/2015. Con chung hiện nay đang sống chung với bị đơn, bị đơn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của nguyên đơn đúng quy định. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Bị đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Gia C (nam), sinh ngày 10/5/2015. Do bị đơn chưa yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con nên không xem xét. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tùng không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ việc tính tình vợ chồng không hòa hợp, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn cự cãi, mâu thuẫn ngày một trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, cả nguyên đơn và bị đơn đều cho rằng tình cảm không còn và đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên đều thống nhất ly hôn, nhưng do hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn theo luật định. Khi có yêu cầu xin ly hôn, căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về con chung: Xét 02 con chung là cháu Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Gia C (nam), sinh ngày 10/5/2015 hiện do bị đơn nuôi dưỡng từ khi nguyên đơn và bị đơn ly thân đến nay, cuộc sống của các cháu đã ổn định, mặt khác cháu Huy cũng có nguyện vọng được sống chung với bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tùng không ai được quyền cản trở.

[4] Tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 3; các điều 144, 147, 195, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Bị đơn bà Nguyễn Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Gia C (nam), sinh ngày 10/5/2015 đến khi cháu Huy và cháu Chương đủ 18 tuổi. Do bị đơn chưa yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Dành quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông Tùng không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chuyển từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008560 ngày 08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang ;
- VKSND.TP Ngã Bảy;
- Chi cục THA.TP Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

